

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 722/2025/DS-PT

Ngày: 18/9/2025

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 604/2024/TLPT-DS, ngày 26 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc (nay là Tòa án nhân Khu vực 8 – Đồng Tháp), tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 05 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 524/2025/QĐ-PT ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số H, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Nay là: Số H, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số H, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Nay là: Số H, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1968;

2. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1993;

3. Chị Nguyễn Thị Thúy Y, sinh năm 1990;

Người đại diện theo ủy quyền bà D, anh P, chị Y: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: Số H, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nay là: Số H, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp; (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2024).

4. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nay là: Tổ A, ấp D, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nay: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ; ông Đ đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị D, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Thị Thúy Y trình bày:**

Ông Đ có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 6.850m², gồm 5 thửa đất, trong đó có thửa đất 900, tờ bản đồ số 2A, diện tích 1.154m², tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S. Nguồn gốc đất do cha (Nguyễn Văn D2) tặng cho (chỉ nói miệng, không có giấy tờ). Đến năm 1992 ông Đ kê khai đề được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng khi kê khai ông Đ lấy tên thường dùng là Nguyễn Văn B. Do đó, khi Ủy ban nhân dân thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông ngày 26/5/1992 ghi tên Nguyễn Văn B.

Đến ngày 20/4/2003 ông Đ xin đăng ký biến động đổi tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Nguyễn Văn B sang tên Nguyễn Văn Đ cho đúng với chứng minh nhân dân. Đến ngày 15/10/2003 Ủy ban nhân dân thị xã S (Nay là thành phố S) ban hành Quyết định số 2160/QĐ.UB/NĐ về việc thu hồi và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông từ Nguyễn Văn B sang N.

Theo ông Đ do là đất của ông bà để lại, được cha mẹ cho, trên đất có nhiều cây tạp và nhiều bụi tre nên từ khi đăng ký kê khai (1992) cho đến nay ông Đ chỉ thỉnh thoảng vào trông coi phần đất nhưng không đầu tư hay trồng trọt gì trên đất.

Đến tháng 7/2023 ông Đ đo đạc để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn A không chịu ký giáp ranh vì ông A cho rằng đất của ông A. Khi đó ông Đ mới phát hiện thửa đất 900, tờ bản đồ 2A của ông Đ vào năm 2015 ông A (em ruột ông Đ) đã làm thủ tục cấp đổi quyền sử dụng đất tại thửa 54b tờ bản đồ 2A, diện tích 1.179m² của ông A thành thửa 130 tờ bản đồ số 3, diện tích cấp 2.169,6m² đã trùng lên thửa 900 tờ bản đồ 2A, diện

tích 1.154m² mà ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992 (cấp đổi 2003).

Sau khi phát hiện sự việc, ông Đ yêu cầu ông A phải điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình nhưng ông A không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Khi Ủy ban nhân dân xã T hòa giải ông A có ý kiến đưa cho ông Đ số tiền 500 triệu đồng, nhưng không nói gì liên quan tới đất, do đó ông Đ không đồng ý nhận.

Qua đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp có diện tích 1.132m² (giảm 22m² so với diện tích thửa 900 của ông Đ) thì ông Đ đồng ý.

Nay ông Đ yêu cầu ông A trả lại diện tích 1.132m² (LN) là hình H1, thuộc các mốc: mốc 6 - mốc 7 - mốc 8 - mốc 9 - mốc 10 - mốc 11 - mốc 12 - mốc 6, theo sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S. Vì theo ông Đ đây là phần đất thuộc thửa 900, tờ bản đồ 2A của hộ ông Đ. Ông Đ đề nghị thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn A thuộc thửa 130, tờ bản đồ số 3, diện tích cấp 2.169,6m² do có 1.132m² đất thuộc thửa 900 của ông Đ.

Đối với chi phí bơm cát của ông A thì ông Đ không bồi thường, vì khi ông A bơm cát ông Đ có nói chỉ bơm bên phần đất của ông A, không được bơm qua đất ông Đ nhưng ông A vẫn bơm; còn các cây trồng của ông A trồng thì tự di dời, ông Đ không bồi thường.

Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 900 ông Đ đang giữ. Ông Đ đồng ý với kết quả đo đạc, kết quả xem xét, thẩm định, định giá.

Đối với các đương sự Lê Thị D, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thúy Y là vợ, con ông Đ, chung hộ với ông Đ thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông Đ. Ngoài ra, ông Đ không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:**

Phần đất mà ông Đ tranh chấp thuộc một phần thửa 130, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.169,6m² hiện do ông A đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc của cha ông A (Ông Nguyễn Văn D3) đứng tên gồm nhiều thửa, tổng diện tích 31.631m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26/12/1991. Sau khi cha ông A chết (năm 2001), phần đất chuyển cho mẹ (Bà Phạm Thị T1) đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp cho hộ Phạm Thị T1 ngày 17/11/2003. Ngày 23/01/2008 hộ bà T1 chuyển nhượng một phần diện tích 9.413,8m² cho các người con là bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Thành H, diện tích còn lại 22.217,2m². Ngày 01/8/2015 hộ bà T1 tặng cho toàn bộ diện tích đất 22.217,2m² (gồm nhiều thửa) qua cho ông A đứng tên, do ông A là con trai ở chung cha mẹ từ nhỏ. Sau đó, ông A làm thủ tục tách ra đứng tên từng thửa, trong đó có thửa 130, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.169,6m² do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 08/3/2016 mà hiện nay ông Đ tranh chấp. Quá trình thực

A thừa nhận đất tranh chấp của ông Đ mà là ông A muốn hòa giải trong anh em với nhau, nhưng ông Đ không đồng ý. Nay ông A không đồng ý hiện các

thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất của cha mẹ ông A trước đây và của ông A năm 2016 thì ông Đ không có tranh chấp, ông Đ có ký giáp ranh với thửa 130 của ông A (do ông Đ có thửa đất giáp ranh).

Phần đất tranh chấp thửa 130 trước đây cha mẹ ông A quản lý sử dụng, đến năm 2015 chuyển cho ông A thì ông A là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất ông A có trồng một số cây trồng như dừa, cà na; đồng thời có bơm cát san lấp trên toàn bộ diện tích đất, chi phí bơm cát khoảng 100 triệu đồng.

Ông A thừa nhận khi Ủy ban nhân dân xã T hòa giải ông có đồng ý đưa cho ông Đ số tiền 500 triệu đồng để hai bên thỏa thuận, số tiền này không phải do ông ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Qua đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp có diện tích 1.132m² là hình H1, thuộc các mốc: mốc 6 - mốc 7 - mốc 8 - mốc 9 - mốc 10 - mốc 11 - mốc 12 - mốc 6, theo sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, phần đất này thuộc một phần thửa 130 của ông A. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 130 ông A đang giữ. Ông A đồng ý với kết quả đo đạc, kết quả xem xét, thẩm định, định giá.

Trường hợp tòa án giải quyết phần đất tranh chấp của ông Đ thì đối với chi phí bơm cát ông A không có yêu cầu; đối với cây trồng ông A sẽ tự di dời, không yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị D1 có lời khai trình bày:

Về mối quan hệ ông Đ, ông A là cháu gọi bà T, bà D1 bằng cô. Do bà T, bà D1 trước đây sống chung với cha mẹ, ông Đ là cháu cũng sống chung với ông nội (Cha bà D1, bà T) nên bà T, bà D1 có chung hộ với ông Đ. Tuy nhiên, sau đó bà D1, bà T đã cắt hộ khẩu đi nơi khác không còn chung hộ ông Đ. Về phần đất tranh chấp là của ông, bà để lại, bà D1, bà T không có công sức đóng góp gì. Bà D1, bà T không có yêu cầu gì trong vụ kiện, xin được vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập hòa giải, kiểm tra chứng cứ và xét xử.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên xử:***

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn A trả cho ông Đ diện tích đất 1.132m² (LN) là hình H1, thuộc các mốc: mốc 6 - mốc 7 - mốc 8 - mốc 9 - mốc 10 - mốc 11 - mốc 12 - mốc 6, theo sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, thuộc một phần thửa 130, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã T, thành phố S.

(Có biên bản xem xét, thẩm định ngày 11/7/2024; biên bản đo đạc ngày 01/8/2024 và sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S kèm theo)

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 5.000.000đ theo biên lai số 0004223 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc. Sau khi khấu trừ, hoàn trả cho ông Đ nhận lại 4.700.000đ tiền tạm ứng án phí.

Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tổng cộng số tiền: 4.543.000đ do nguyên đơn ông Đ chịu (Đã tạm ứng và chi xong).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 10 năm 2024, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn A phải trả lại cho ông Đ phần đất có diện tích 1.132m² thuộc hình H1, tại các mốc 6 - mốc 7 - mốc 8 - mốc 9 - mốc 10 - mốc 11 - mốc 12 - mốc 6 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vì đây là phần đất tại thửa 900, tờ bản đồ 2A ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với bị đơn về việc giải quyết nội dung vụ án, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn: Giữ nguyên lời trình trước đây, thống nhất nội dung, Quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Minh P1, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị D1 được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng

mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn A phải trả lại cho ông Đ phần đất có diện tích 1.132m² thuộc hình H1, trong phạm vi các mốc: Mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, trở về mốc 6 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S vì đây là phần đất tại thửa 900, tờ bản đồ 2A ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông A (ông D3, bà T1) tặng cho ông A trước đây thuộc thửa 54b, tờ bản đồ 2A, diện tích cấp 1.179m² (LN) theo bản đồ giải thửa 299. Theo phiếu đối chiếu thông tin địa chính ngày 23/10/2015 phần đất này thuộc thửa 130, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.169,6m² (LN) theo bản đồ chính quy có tọa độ (tăng 990,6m², ông A có làm đơn xin đăng ký biến động tăng diện tích). Khi Ủy ban nhân dân thành phố S cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A từ thửa 54b, tờ bản đồ 2A, diện tích 1.179m² (LN) sang thửa 130, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.169,6m² (CLN) ngày 08/3/2016 có đo đạc và tại bản mô tả ranh giới thửa đất ngày 23/10/2015 có ông Nguyễn Văn Đ ký giáp ranh.

Ông Đ kháng cáo cho rằng ông Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 900, diện tích 1.154m² vào năm 1992; đến năm 2003 thì diện tích 1.154m² được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, phần đất này cũng được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A ở thửa 130 vào năm 2016, như vậy là một diện tích đất, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố S đều cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Đ và ông A đứng tên là đã cấp trùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nhưng phía ông Đ không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, Tại Công văn số 167/UBND-NC ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S cung cấp thông tin cho Tòa án xác định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A của cơ quan có thẩm quyền đảm bảo đúng quy định; không có việc một diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vừa cho ông Đ vừa cho ông A, như vậy lời trình bày của ông Đ là không có cơ sở. Ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ nên ông Nguyễn Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự phúc theo quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Nay là TAND khu vực 8 – tỉnh Đồng Tháp).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các điều 26, 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Văn Đ.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn A trả cho ông Đ diện tích đất 1.132m² (LN) là hình H1, trong phạm vi các mốc: Mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, trở về mốc 6.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 11/7/2024; biên bản đo đạc ngày 01/8/2024 và sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S)

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0004223 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc. Sau khi khấu trừ, hoàn trả cho ông Đ 4.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007888 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Tổng cộng là 4.543.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh DT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Khu vực 8 – Đồng Tháp;
- Cơ quan THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng TT, KT và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Thọ